

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/DS-PT

Ngày: 26 - 6 - 2025

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là
quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Chuyên

Bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2025/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là [thành phố B](#)) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2025/QĐ-PT ngày 08/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2025/QĐ-PT ngày 28/4/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 67/2025/QĐ-PT ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông [Luu Xuân S](#), sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: [Số nhà A chợ C, khu F, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh](#).

* *Bị đơn:*

- Ông [Luu Văn H](#), sinh năm 1954 (có mặt)

- Bà [Luu Thị T](#), sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: [Tổ dân phố N, phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông [Luu Văn H](#): Ông [Nguyễn Văn V](#) - Luật sư thuộc [Công ty L1](#) (có mặt).

Địa chỉ: [Số A N, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh](#).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông [Luu Xuân Đ](#), sinh năm 1942 (có mặt)

Địa chỉ: [Tổ dân phố N, phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#).

2. Bà [Nguyễn Thị V1](#), sinh năm 1959 (vắng mặt)
Địa chỉ: [Số nhà A chợ C, khu F, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh](#).
3. Anh [Luu Xuân N](#), sinh năm 1989 (vắng mặt)
4. Anh [Luu Văn P](#), sinh năm 1992 (vắng mặt)
5. Bà [Luu Thị H1](#), sinh năm 1949 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: [Tổ dân phố N, phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#).
6. Bà [Luu Thị A](#), sinh năm 1947 (vắng mặt)
Địa chỉ: [Xóm T, số nhà F, khu A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh](#).
7. Bà [Luu Thị P1](#), sinh năm 1941 (chết ngày 16/3/2025)
Địa chỉ: [Tổ dân phố B, phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#).
- * *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà P1 gồm:*
- Bà [Vũ Thị C](#), sinh năm 1960 (có mặt)
Địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#)
 - Bà [Vũ Thị C1](#), sinh năm 1963 (vắng mặt)
Địa chỉ: [Thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#).
 - Bà [Vũ Thị K](#), sinh năm 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: [Tổ dân phố N, phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#)
 - Ông [Vũ Văn Đ1](#), sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: [Tổ dân phố B, phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#)
 - Ông [Vũ Văn S1](#) sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố Bẩy, phường Cảnh Thuy, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
8. Ông [Luu Văn G](#), sinh năm 1951 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số nhà 10 ngõ 22, phố Tân Ấp, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội
9. [UBND phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#)
Ông [Trần Đức T1](#) là Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền (vắng mặt)
10. [UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang](#)
Ông [Hoàng Hữu L](#) - Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường đại diện theo ủy quyền (vắng mặt)
Người kháng cáo: ông [Luu Văn H](#) là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông [Luu Xuân S](#) trình bày:*

Ông có bố đẻ là cụ [Luu Văn A](#), sinh năm 1918 (liệt sỹ hy sinh năm 1954) mẹ đẻ là cụ [Vũ Thị D](#), sinh năm 1913 (chết năm 1994). Do bố ông hy sinh từ năm 1954 nên chỉ có mẹ ông là người trực tiếp sinh sống và quản lý thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² (đất thổ cư) tại [thôn N, xã C, huyện Y](#). Năm 1993 mẹ ông làm

thủ tục đề nghị [UBND huyện Y](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên. Năm 1995 [UBND huyện Y](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664 cấp ngày 20/10/1995 cho cụ [Vũ Thị D](#) (lúc này cụ [D](#) đã chết từ năm 1994). Tại thời điểm năm 1993 - 1994 khi kê khai, đo đạc để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ [D](#) ở riêng và có hộ khẩu riêng, những người con đã trưởng thành, có nhà đất riêng biệt, không liên quan gì đến thửa đất này.

Sau khi [UBND huyện Y](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông là người quản lý. Do điều kiện gia đình ông sinh sống tại [thành phố B](#) nên diện tích 231m² vẫn bỏ không, chưa sử dụng đến.

Năm 2019 tất cả thành viên trong gia đình ông (những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ [D](#)) đã thống nhất làm văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế. Theo văn bản này tất cả 07 anh, chị, em gồm [Luu Xuân Đ](#), [Luu Xuân S](#), [Luu Thị A](#), [Luu Thị P1](#), [Luu Thị H1](#), [Luu Văn G](#), [Luu Văn H](#) đã nhất trí giao cho ông [Luu Xuân S](#) quản lý, sử dụng di sản của mẹ để lại là thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² (đất thổ cư) tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#). Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế được [UBND xã C, huyện Y](#) chứng thực ngày 26/3/2019. Ngày 09/4/2019 Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y](#) đã đăng ký biến động, chỉnh lý sang tên tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông [Luu Xuân S](#).

Trên pháp lý thì thửa đất trên đã thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông nhưng thực tế ông không được sử dụng do vợ chồng ông [Luu Văn H](#) (em trai) và bà [Luu Thị T](#) (vợ ông [H](#)) vẫn sử dụng để trồng trọt. Thửa đất này nằm giáp ranh với đất của vợ chồng ông [H](#) nhưng ranh giới, mốc giới không rõ ràng để phân biệt.

Theo ông được biết năm 2007 [xã C](#) đưa vào sử dụng bản đồ địa chính chính quy sau khi đo đạc. Thửa đất số 682 của ông được thể hiện nằm chung trong thửa đất số 1182, tờ bản đồ số 36, diện tích 965,8m² tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) (gồm các thửa số 600, 683, 684, 903 của ông [Luu Văn H](#) và thửa số 682 của ông [Luu Xuân S](#)). Nhưng không có ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số 1182 trên mà chỉ thể hiện trên bản đồ địa chính tên [Luu Văn H](#) và [Luu Xuân S](#).

Năm 2022 ông đề nghị Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y](#) cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu mới (trước đây là sổ đỏ) thì xảy ra mâu thuẫn với ông [Luu Văn H](#). Ông [H](#) gây khó khăn, không cho đo đạc với lý do diện tích 231m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông [H](#). Đồng thời từ đó ông [H](#) xây tường bao vây kín toàn bộ khu đất của ông, không cho ông vào sử dụng đất. Ông đã trình báo với chính quyền thôn và [UBND xã C](#) để can thiệp, giúp đỡ. Qua nhiều lần vận động, hoà giải nhưng ông [H](#) không đồng ý. Đến nay vợ chồng ông [H](#) vẫn quản lý diện tích 231m² tại thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16 của ông.

Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc ông [Luu Văn H](#) và bà [Luu Thị T](#) trả lại thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) (được [UBND huyện Y](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664 ngày 20/10/1995 mang tên [Vũ Thị D](#)).

- Buộc ông [Luu Văn H](#), bà [Luu Thị Thu di D1](#) cây trồng, phá dỡ tường vây để trả lại nguyên trạng thửa đất cho ông sử dụng.

* *Bị đơn là ông [Luu Văn H](#) trình bày:*

Ông là em trai của ông [Luu Xuân S](#), giữa ông và ông [S](#) trước đây không có mâu thuẫn gì.

Năm 1993 mẹ ông là cụ [Vũ Thị D](#) đứng tên kê khai, làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16 tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#). Nhưng cụ [D](#) đã kê khai cả 09 thước (01 thước = 24m²) = 216m² đất ruộng rau xanh (đất %) tại xứ đồng Ao Vôi và một phần đất riêng của ông thành tổng diện tích 231m².

Từ hồ sơ do mẹ ông kê khai năm 1993 đến năm 1995 mới được [UBND huyện Y](#) cấp giấy chứng nhận (nhưng lúc cấp sổ thì mẹ ông đã chết), từ đó ông là người quản lý, sử dụng thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² (đất thổ cư) tại [thôn N, xã C, huyện Y](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664, cấp ngày 20/10/1995 cấp cho bà [Vũ Thị D](#).

Ngoài thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² nêu trên thì hiện nay ông đang trực tiếp quản lý, sử dụng 05 thửa đất khác gồm: Thửa đất số 600 diện tích 330m², thửa đất số 683 diện tích 145m², thửa đất số 684 diện tích 137m², thửa đất số 902 diện tích 145m², thửa đất số 903 diện tích 100m² cùng tờ bản đồ số 16 tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#). Nhưng chỉ có các thửa 600, 683, 684 và 903 đã được [UBND huyện Y](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144668 ngày 20/10/1995 cho ông, thửa đất số 902 chưa được cấp giấy chứng nhận.

Nay ông [Luu Xuân S](#) kiện đòi lại thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² (đất thổ cư) tại [thôn N, xã C, huyện Y](#) thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu (phản tố) đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Công nhận ông [Luu Văn H](#) là người có quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) (thửa đất được [UBND huyện Y](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664 ngày 20/10/1995 cho bà [Vũ Thị D](#)).

- Xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664 do [UBND huyện Y](#) cấp ngày 20/10/1995 cho bà [Vũ Thị D](#).

* *Đối với bà [Luu Thị T](#):* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông [H](#) và bà [T](#) như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bà [T](#) không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án, không

đến Tòa án làm việc, vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên hòa giải, công khai chứng cứ. Do vậy Tòa án không thu thập được lời khai của bà T.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- *Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị V1 trình bày:*

Bà là vợ của ông Lưu Xuân S, bà có được biết việc ông S được các thành viên hàng thừa kế thứ nhất của bà Vũ Thị D thống nhất thỏa thuận giao cho ông S được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² (đất thổ cư) tại thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và ông S đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y chứng nhận cho đứng tên thửa đất trên ngày 09/4/2019.

Bà không liên quan gì đến thửa đất đang tranh chấp vì đây là di sản do ông S được hưởng thừa kế từ mẹ đẻ, bà không có tranh chấp gì. Trong thời gian vợ chồng sống, bà không xây dựng, cải tạo công trình, tài sản gì trên diện tích 231m² nói trên vì vậy bà không yêu cầu trích chia công sức gì cho mình.

Về việc hiện nay ông Lưu Xuân S khởi kiện đối với ông Lưu Văn H để đòi lại quyền quản lý, sử dụng thửa đất trên thì bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của ông S vì thực tế ông S là chủ sử dụng đất hợp pháp của thửa đất đó. Ngoài ra bà không yêu cầu, đề nghị gì khác.

- *Tại biên bản ghi lời khai, anh Lưu Xuân N và anh Lưu Văn P đều trình bày:*

Các anh là con đẻ của ông Lưu Văn H và bà Lưu Thị Thư. Diện tích 231m² tại thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đang tranh chấp giữa ông Lưu Xuân S và ông H có nguồn gốc do bà nội các anh là cụ Vũ Thị D giao cho bố các anh quản lý từ khi bà còn sống, hiện nay bố các anh vẫn đang là người quản lý, sử dụng thửa đất này. Các anh có tham gia trồng trọt cây cối giúp bố trong thửa đất trên, nhưng các anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia công sức.

Các anh nhất trí với các ý kiến của bố là ông Lưu Văn H đã trình bày tại Tòa và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng công nhận ông Lưu Văn H là người có quyền quản lý, sử dụng diện tích 231m² (đất thổ cư) tại thửa số 682, tờ bản đồ số 16 tại thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do điều kiện công việc bận, các anh xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên tòa xét xử vụ án, không yêu cầu Tòa án phải tiến hành lại các thủ tục tố tụng đối với các anh.

- *Tại biên bản ghi lời khai, bà Lưu Thị A, bà Lưu Thị H1, bà Lưu Thị P1 và ông Lưu Văn G cùng trình bày ý kiến như sau:*

Các ông, bà là anh, chị, em ruột với ông Lưu Xuân S và ông Lưu Văn H. Khi còn sống cụ Vũ Thị D ở cùng với con trai út là ông Lưu Văn H trên diện tích đất khoảng 1000m² tại thôn N, xã C, huyện Y. Nguồn gốc diện tích đất này là do bố mẹ các ông, bà tạo dựng được từ nhiều năm về trước. Trước khi cụ D chết (năm 1994) có nói với các người con là “đứa nào không có đất có nhà thì về quê mẹ cho đất làm nhà”, thời điểm đó có bà A và ông S đang làm ăn ở xa cũng được cụ D gọi về nói

như vậy (nói miệng). Sau khi cụ [D](#) bị đột quỵ chết, không để lại di chúc thì ông [H](#) là người quản lý toàn bộ nhà, đất của mẹ để lại.

Năm 1999 toàn bộ anh, chị, em trong gia đình thống nhất họp bàn và đi đến nhất trí chia cho ông [Luu Xuân S](#) một phần tài sản của mẹ để lại là thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#). Tất cả các anh, chị, em đều trực tiếp ký kết văn bản thỏa thuận (có cả ông [H](#)) và được chứng thực, đóng dấu tại [UBND xã C](#) theo quy định của pháp luật. Sau đó ông [S](#) vẫn sinh sống ở tỉnh Bắc Ninh, chỉ có ông [H](#) quản lý, sử dụng thửa đất trên. Việc ông [S](#) và ông [H](#) tranh chấp thửa đất này thì các ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đối với quyền lợi của cá nhân thì các ông, bà đều không yêu cầu và đề nghị gì. Do tuổi cao, sức yếu, các ông, bà xin được vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu Tòa án tiến hành lại các thủ tục tố tụng.

- [UBND xã C](#) do ông [Trần Đức T1](#) là Phó Chủ tịch UBND xã đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664 do [UBND huyện Y](#) cấp ngày 20/10/1995 cho bà [Vũ Thị D](#), thể hiện bà [Vũ Thị D](#) được sử dụng thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² (đất thổ cư) tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#).

Sau khi bà [Vũ Thị D](#) chết (năm 1994), năm 2019 các thành viên gia đình ông [Luu Xuân S](#) gồm: [Luu Xuân Đ](#), [Luu Xuân S](#), [Luu Văn G](#), [Luu Thị P1](#), [Luu Thị A](#), [Luu Thị H1](#) và [Luu Văn H](#) thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản của bà [Vũ Thị D](#). Di sản của bà [D](#) là diện tích 231m² đất thổ cư tại thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16 tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#). Tại thời điểm lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà [Vũ Thị D](#) đều có mặt tham gia làm việc và ký tên vào văn bản tại [UBND xã C](#). Cán bộ tư pháp xã kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ đề nghị chứng thực, giấy tờ chứng minh nhân thân của những người liên quan, căn cứ pháp lý liên quan đến thửa đất. Sau khi xác định đúng nội dung yêu cầu chứng thực và điều kiện theo quy định. Cán bộ tư pháp xã trình lãnh đạo UBND xã ký chứng thực. [UBND xã C](#) xác định việc chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 26/3/2019 cho các người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà [Vũ Thị D](#) là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2019 ông [Luu Xuân S](#) được Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y](#) đăng ký biến động, chỉnh lý sang tên tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà [Vũ Thị D](#). Như vậy ông [S](#) là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16 có diện tích 231m² (đất thổ cư) tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#). Lý do vì sao hiện nay ông [Luu Văn H](#) vẫn chiếm giữ không đồng ý bàn giao thửa đất trên cho ông [Luu Xuân S](#) thì UBND xã không nắm được, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với việc ông [Luu Văn H](#) khai bà [Vũ Thị D](#) kê khai cả 09 thước = 216m² đất ruộng rau xanh của ông để được cấp đổi sang 231m² đất thổ cư là không có căn

cứ pháp luật vì UBND xã Cảnh Thụy không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông [Luu Văn H](#) đổi đất rau xanh để cấp sang 231m² đất thổ cư mang tên bà [Vũ Thị D](#). Mặt khác ông [H](#) trình bày đổi đất rau xanh vào năm 2018 là không phù hợp vì giấy CNQSDĐ cấp cho bà [D](#) từ năm 1995 (dựa trên kết quả đo đạc từ năm 1993).

Đối với việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà [Vũ Thị D](#) có dấu hiệu bị tẩy xóa chữ “Đia” thì tại thời điểm cấp giấy CNQSDĐ năm 1995, toàn bộ thông tin trong giấy chứng nhận đều là viết bằng tay (mực sòng), do vậy không tránh được việc viết nhầm, phải sửa chữa. Tuy vậy vấn đề này không làm thay đổi bản chất nội dung sự việc vì tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, chỉ có bà [Vũ Thị D](#) quản lý, sử dụng thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² tại [thôn N, xã C, huyện Y](#), ngoài ra không còn người nào khác liên quan đến thửa đất này.

Về việc diện tích thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16 qua đo đạc theo hiện trạng là 220,5m². Kết quả đo này là do ông [Luu Xuân S](#) dẫn đạc trong khi ông [S](#) không phải người thường xuyên quản lý, sử dụng đất nên ông [S](#) không xác định được đúng ranh giới, mốc giới thửa đất. Mặt khác thửa đất này không có ranh giới rõ ràng để phân biệt với các thửa đất liền kề khác của ông [Luu Văn H](#) nên dễ bị nhầm lẫn về vị trí, mốc giới.

- [UBND huyện Y](#) do bà [Phòng Thị N1](#) là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về căn cứ xác định quyền sử dụng đất: Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144668 do [UBND huyện Y](#) cấp ngày 20/10/1995 cho ông [Luu Văn H](#), thể hiện ông [Luu Văn H](#) được sử dụng tổng diện tích 712m² gồm 04 thửa đất tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#), cụ thể:

- Thửa đất số 600, tờ bản đồ số 16 có diện tích 330m² (đất thổ cư);
- Thửa đất số 684, tờ bản đồ số 16 có diện tích 137m² (đất ao);
- Thửa đất số 683, tờ bản đồ số 16 có diện tích 145m² (đất thổ cư);
- Thửa đất số 903, tờ bản đồ số 16 có diện tích 100m² (đất vườn).

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664 do [UBND huyện Y](#) cấp ngày 20/10/1995 cho bà [Vũ Thị D](#), thể hiện bà [Vũ Thị D](#) được sử dụng thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16 có diện tích 231m² (đất thổ cư) tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#).

Sau khi bà [Vũ Thị D](#) chết (năm 1994), năm 2019 các thành viên thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà [D](#) có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, cụ thể những người này thống nhất giao thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16 có diện tích 231m² tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) cho ông [Luu Xuân S](#), sinh năm 1952 địa chỉ tại [số A chợ C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh](#) quản lý, sử dụng. Văn bản phân chia di sản thừa kế được [UBND xã C](#) chứng thực ngày 26/3/2019, sau đó được Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y](#) đăng ký biến động sang tên cho ông [Luu Xuân S](#) tại trang số 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà [Vũ Thị D](#) ngày 09/4/2019 (Hồ sơ số 509/2019). Như vậy kể từ ngày 09/4/2019 ông [Luu Xuân](#)

S là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16 có diện tích 231m² (đất thổ cư) tại thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1995 cho bà Vũ Thị D đã được UBND huyện Y thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993.

Hồ sơ đăng ký biến động, chuyển quyền sử dụng đất số 509/2019 ngày 09/4/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y đã thực hiện đúng theo điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T2.

Về điều kiện chuyển quyền: Loại đất chuyển quyền không hạn chế, tại thời điểm chuyển quyền không có tranh chấp, đảm bảo theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế do UBND xã C chứng thực ngày 26/3/2019 đã được lập theo đúng quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2014 của Chính phủ.

Quan điểm của UBND huyện Y: Việc UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664 ngày 20/10/1995 cho bà Vũ Thị D được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng thửa đất 682, tờ bản đồ số 16 có diện tích 231m² tại thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho ông Lưu Xuân S, sinh năm 1952 địa chỉ tại số A chợ C, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là đúng thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y.

Đối với diện tích đất của ông Lưu Văn H đo đạc theo hiện trạng có sự tăng thêm, cụ thể theo giấy chứng ông H được cấp 712m², sau khi đo đạc (đã trừ đi 231m² của ông Lưu Xuân S) thì diện tích thực tế ông H đang sử dụng là 734,3m². Tăng thêm 22,3m². Diện tích tăng thêm này là do sai số đo đạc, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 sử dụng phương pháp đo đạc lưới ô vuông thủ công, mặt khác ranh giới giữa các thửa đất thời điểm đó chưa phân định rõ ràng (hàng rào ngăn cách các thửa chủ yếu bằng cây cối) nên sau khi đo đạc lại bằng máy chuyên dụng có sự sai số. Phần diện tích tăng thêm này vẫn nằm trong cùng thửa đất cấp cho ông Lưu Văn H.

* Kết quả thẩm định, định giá tài sản:

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 03/5/2024 nguyên đơn có đơn đề nghị thẩm định, xem xét tại chỗ và định giá đối với các tài sản đang tranh chấp.

Ngày 28/5/2024 Hội đồng định giá UBND huyện Y tiến hành định giá tài sản liên quan đến tranh chấp, kết quả định giá như sau:

Diện tích đất tranh chấp 231m² tại thửa số 682, tờ bản đồ số 16, thôn N, xã C, huyện Y nằm trong tổng diện tích 965,3m² của thửa đất 1182 (bản đồ địa chính đo đạc năm 2007) do ông Lưu Văn H đang quản lý, sử dụng.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và bản đồ địa chính, thửa đất số 682, tờ bản đồ địa chính số 16 tại [thôn N, xã C, huyện Y](#) có diện tích 231m² với tứ cận như sau:

- Phía Bắc dài 15,24m giáp đất ông [Luu Văn H](#);
- Phía Nam dài 17,58m giáp đất ông [Luu Xuân Đ](#).
- Phía Tây dài 17,75m giáp đất ông [Luu Văn H](#).
- Phía Đông dài 14,43m giáp đường bê tông liên thôn.

Đo đạc theo chỉ dẫn của ông [Luu Xuân S](#) thì thửa đất có diện tích 220,5m² với tứ cận như sau:

- Phía Bắc dài 14,67m giáp đất ông [Luu Văn H](#);
- Phía Nam dài 17,07m giáp đất ông [Luu Xuân Đ](#).
- Phía Tây dài 16,79m giáp đất ông [Luu Văn H](#).
- Phía Đông dài 14,43m giáp đường bê tông liên thôn.

Trị giá thửa đất theo giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương là: 231m² x 6.000.000 đồng/m² = 1.386.000.000 đồng.

Tài sản trên đất gồm:

- 01 cây nhãn đường kính tán lá 3,5m-4m trị giá 1.364.000 đồng; 01 cây bưởi đường kính gốc 9-12cm trị giá 2.027.000 đồng; 01 cây na đường kính gốc 9-12cm trị giá 821.000 đồng; 05 cây cam chiều cao 0,8m-1,5m (đường kính gốc 7-15cm) trị giá 116.000 đồng/cây; 01 cây táo đường kính gốc 12-15cm trị giá 1.415.000 đồng; 02 cây chanh đường kính gốc 2-5cm trị giá 229.000 đồng/cây.

- 01 Bức tường bao có chiều dài 15,1m; chiều cao 2m. Trị giá phần tường xây bằng gạch là 649.000 đồng; trị giá phần tường xây bằng vữa là 347.000 đồng.

Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là: 1.393.661.000 đồng (một tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Với những nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/DS-ST ngày 31/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là [thành phố B](#)) đã xử: Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 164; Điều 165; Điều 185; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 155; Điều 165; Điều 166; Điều 174; Điều 175; Điều 176; Điều 468 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 166; Điều 167; Điều 168; Điều 169 và Điều 170 Luật Đất đai 2013; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông [Luu Xuân S](#) về kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất đối với ông [Luu Văn H](#) và bà [Luu Thị Thu](#).

1.1. Buộc ông [Luu Văn H](#) và bà [Luu Thị T](#) trả lại ông [Luu Xuân S](#) thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² (nằm trong thửa 1182, tờ bản đồ số 36) tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

phát hành D 0144664 do [UBND huyện Y](#) cấp ngày 20/10/1995 cho bà [Vũ Thị D](#)).
Thửa đất có tứ cận giáp ranh như sau:

- Phía Bắc dài 15,24m giáp đất ông [Luu Văn H](#);
- Phía Nam dài 17,58m giáp đất ông [Luu Xuân Đ](#).
- Phía Tây dài 17,75m giáp đất ông [Luu Văn H](#).
- Phía Đông dài 14,43m giáp đường bê tông liên thôn.
(có sơ đồ, vị trí, tọa độ thửa đất kèm theo bản án)

1.2. Buộc ông [Luu Văn H](#) và bà [Luu Thị Thu di D1](#) các cây trồng, tháo dỡ chướng ngại vật, tường bao trên thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#).

(Hiện trạng được mô tả theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/5/2024 của Tòa án và Biên bản định giá tài sản ngày 28/5/2024 của Hội đồng định giá)

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông [Luu Văn H](#) về việc công nhận thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) thuộc quyền quản lý, sử dụng ông [H](#).

Ngoài ra bản án còn buộc bị đơn phải chịu chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/01/2025, bị đơn ông [Luu Văn H](#) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664, cấp ngày 20/10/1995 cấp cho bà [Vũ Thị D](#), tuyên bố thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 16/12/1998 không có hiệu lực, yêu cầu công sức quản lý duy trì diện tích đất tranh chấp, yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m²

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664, cấp ngày 20/10/1995 cấp cho bà [Vũ Thị D](#), vì bà [D](#) là người không biết chữ, không tự đi kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hồ sơ không có tài liệu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà [D](#), trích chia công sức cho ông [H](#) trong việc quản lý, tôn tạo thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m², vì năm 1999 ông [H](#) tin tưởng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà [D](#) là đúng nên đã đồng ý ký tên trong biên bản phân chia di sản thừa kế, từ những căn cứ trên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông [Luu Văn H](#), giữ nguyên bản án sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là [thành phố B](#)). Ông [Luu Văn H](#) được miễn án phí DSPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà [Luu Thi T](#) và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng không có kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét nội dung vụ án HĐXX thấy: Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² (sau khi đo đạc bản đồ địa chính quy năm 2007, thửa đất này nằm trong diện tích 965,3m² của thửa đất số 1182, tờ bản đồ số 36) tại [thôn N, xã C, huyện Y \(nay là thành phố B\) tỉnh Bắc Giang](#) có nguồn gốc của bà [Vũ Thi D](#) sử dụng từ trước những năm 1990. Năm 1993 bà [D](#) làm thủ tục kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ), đến năm 1995 thửa đất trên được [UBND huyện Y](#) cấp GCN QSDĐ có số phát hành D 0144664 ngày 20/10/1995 mang tên [Vũ Thi D](#). Khi được cấp GCN QSDĐ bà [D](#) đã chết từ năm 1994 nên giấy chứng nhận này do ông [Luu Xuân S](#) quản lý.

Năm 2019 các thành viên trong gia đình thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà [D](#) gồm: Ông [Luu Xuân Đ](#), ông [Luu Xuân S](#), bà [Luu Thi P1](#), bà [Luu Thi H1](#), bà [Luu Thi A](#), ông [Luu Văn G](#) và ông [Luu Văn H](#) đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ [D](#) để lại là thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16 có diện tích 231m² nêu trên cho ông [Luu Xuân S](#) được quản lý, sử dụng. Văn bản phân chia di sản thừa kế được [UBND xã C](#) chứng thực ngày 26/3/2019, sau đó ngày 09/4/2019 được Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y](#) đăng ký biến động sang tên cho ông [Luu Xuân S](#) tại trang số 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà [Vũ Thi D](#).

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664 do [UBND huyện Y](#) (nay là [thành phố B](#)) cấp ngày 20/10/1995 cho bà [Vũ Thi D](#), thể hiện bà [Vũ Thi D](#) được sử dụng thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16 có diện tích 231m² (đất thổ cư) tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#); trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1995 cho bà [Vũ Thi D](#) đã được [UBND huyện Y](#) thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993.

Ông [Luu Văn H](#) cho rằng thửa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông [H](#) nhưng ông [H](#) không đưa ra được căn cứ pháp lý để chứng minh. Ông [H](#) biết thửa đất này đã được nhà nước cấp GCN QSDĐ

từ năm 1995 cho cụ [D](#) nhưng ông [H](#) không có bất cứ khiếu nại gì đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai.

Ngày 26/3/2019 ông [H](#) cùng với 06 anh, chị em (thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ [Vũ Thi D](#)) đã thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế là thừa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² tại [thôn N, xã C](#) cho ông [Luu Xuân S](#). Mặt khác, kể từ khi ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ [D](#) đối với thừa đất số 682, tờ bản đồ số 16 ông [Luu Văn H](#) không khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng này hoặc khiếu nại đến cơ quan thực hiện việc chứng thực hợp đồng trên. Ông [Luu Xuân S](#) và ông [Luu Văn H](#) đều xác định tất cả những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà [Vũ Thi D](#) cùng ký tên vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, việc ký kết văn bản được các bên thực hiện hoàn toàn tự nguyện, không bị ai đe dọa hay ép buộc, chữ ký và chữ viết trong văn bản thỏa thuận là đúng.

Căn cứ văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế nêu trên, ngày 09/4/2019 Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y](#) đã đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất (hồ sơ số 509/2019), đính chính tại trang số 4 của giấy chứng nhận cho ông [Luu Xuân S](#). Như vậy, kể từ ngày 09/4/2019 ông [Luu Xuân S](#) là chủ sử dụng hợp pháp đối với thừa đất số 682, tờ bản đồ số 16 có diện tích 231m² (đất thổ cư) tại [thôn N, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013, đồng thời ông [S](#) có các quyền của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 Luật Đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Luu Xuân S](#) buộc ông [Luu Văn H](#) và bà [Luu Thị T](#) phải di dời các cây trồng, tháo dỡ đoạn tường bao dài 14,43m (*theo biên bản thẩm định, định giá ngày 28/5/2024*) để trả lại cho ông [Luu Xuân S](#) thừa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m² (đất thổ cư) tại [thôn N, xã C, huyện Y \(nay là thành phố B\) tỉnh Bắc Giang](#) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông [Luu Văn H](#), HĐXX thấy:

Ông [Luu Văn H](#) kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, do cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng và đề nghị xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0144664, cấp ngày 20/10/1995 cấp cho bà [Vũ Thi D](#), tuyên bố thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 16/12/1998 không có hiệu lực, yêu cầu công sức quản lý duy trì diện tích đất tranh chấp, yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 682, tờ bản đồ số 16, diện tích 231m². Như đã phân tích ở trên, HĐXX thấy quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm ông [Luu Văn H](#) không yêu cầu giải quyết về công sức quản lý, tôn tạo, duy trì tài sản đang tranh chấp là thừa đất số 682, tờ bản đồ số 16; không yêu cầu xem xét về tính pháp lý của giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự; không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng dân sự vô hiệu; không yêu cầu chia thừa kế, xét thấy đây là yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc kiện đòi tài sản là có căn cứ, ngoài ra các bên đương sự không có tranh chấp gì khác. Tại

phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã thụ lý vụ án, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng, tiến hành các bước thủ tục đúng, đảm bảo. Do vậy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, vì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí DSPT: Ông [Luu Văn H](#) là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Không chấp nhận kháng cáo của ông [Luu Văn H](#). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là [thành phố B](#)) tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông [Luu Văn H](#) được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân TP. Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tú

